TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 12 - 2025
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tống Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hoa.

2. Ông Giàng Seo Hồng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Giàng Mạnh Vàng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai.

Ngày 31/12/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2025 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, năm sinh 1981.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lù P, năm sinh 1977.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của người Mông. Do không hiểu biết pháp luật nên khi chị D đủ tuổi thì anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và anh chị sinh được bốn người con. Đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống hàng ngày, trong việc làm kinh tế gia đình. Anh chị đã ly thân nhau từ năm 2024, không ai quan tâm đến ai cả về

mặt tình cảm cũng như về kinh tế. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kéo dài, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, chị D đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị D và anh P là vợ chồng.

- Về con chung: Chị D và anh P chỉ có bốn người con chung là cháu Lù Thị X, sinh ngày 07/10/1997, cháu Lù Thị C, sinh ngày 07/6/2001, cháu Lù P, sinh ngày 16/9/2002 và cháu Lù N, sinh ngày 19/9/2007. Nay cháu X, cháu C, cháu P và cháu N đã đủ 18 tuổi, nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn: Tại Biên tự khai ngày 20/10/2025 và những lời trình bày tiếp theo, bị đơn anh Lù P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lù P nhất trí với chị D đã trình bày về thời gian chung sống, việc tổ chức cưới hỏi, nguyên nhân mâu thuẫn của chị D và anh P. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng anh không còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng kéo dài, nay chị D yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D thì anh P không có ý kiến gì.

- Về con chung: cháu Lù Thị X, cháu Lù Thị C, cháu Lù P và cháu Lù N đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị D thuộc thẩm quyền giải của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn và bị đơn đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P về chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải về mối quan hệ hôn nhân của chị D và anh P, việc chị D đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị D và anh P là vợ chồng là có căn cứ và được Tòa án xem xét giải quyết. Nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị D và anh P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chị D và anh P chung sống với nhau chỉ có bốn người con chung là cháu Lù Thị X, sinh ngày 07/10/1997, cháu Lù Thị C, sinh ngày 07/6/2001, cháu Lù P, sinh ngày 16/9/2002 và cháu Lù N, sinh ngày 19/9/2007. Hiện nay cháu X, cháu C, cháu P và cháu N đều đã đủ 18 tuổi, chị D và

anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu X, cháu C, cháu P và cháu N, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D đã nộp đơn đề nghị Tòa án miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí hôn nhân gia đình và cung cấp văn bản xác nhận chị D là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Xét đề nghị của chị D là có căn cứ, phù hợp với khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Hoàng Thị D và anh Lù P là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị D được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND cùng cấp (2);
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Tống Duy Toán